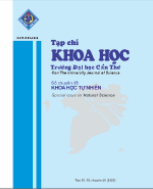




Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ

Số chuyên đề: Giáo dục Đồng bằng sông Cửu Long

website: ctujsvn.ctu.edu.vn



DOI:10.22144/ctu.jvn.2022.156

## ĐÁNH GIÁ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM SINH HỌC (K40-K44) Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Võ Thị Thanh Phương, Nguyễn Trọng Hồng Phúc, Đinh Minh Quang và Đặng Minh Quân\*

Bộ môn Sư phạm Sinh học, Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

\*Người chịu trách nhiệm về bài viết: *Đặng Minh Quân* (email: dmquan@ctu.edu.vn)

### Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 05/03/2022

Ngày nhận bài sửa: 21/04/2022

Ngày duyệt đăng: 04/05/2022

### Title:

Evaluation of stakeholders about biological teacher education program (Courses K40 - K44) at Can Tho University

### Từ khóa:

Các bên liên quan, chương trình đào tạo Sư phạm Sinh học, sinh viên, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng

### Keywords:

Biology teacher education program, quality assessment standards, stakeholders, students

### ABSTRACT

This study provides survey results on the evaluation of stakeholders about the Biological Teacher Education program (2014-2018). Stakeholders including students, alums, lecturers, staff, and employers ( $n = 162$ ). The questionnaire was designed corresponding to each type of stakeholders based on 11 quality assessment standards of undergraduate training programs issued by the Ministry of Education and Training. The semi-structured interview form was deployed to collect analytical and evaluation opinions about the curriculum. This results showed that stakeholders assessed the appropriateness/response/satisfaction with the Biological Teacher Education program at a good level ( $3.41 \leq M < 4.21$ ) in terms of goals and outcome standards, the curriculum program, approaches in teaching and learning, assessment activities of students' learning results, the quality of lecturers and staff, facilities and student support services. Stakeholders proposed reforming the program regarding to develop students' quality and competencies in line with the education trend in high school.

### TÓM TẮT

Nghiên cứu này cung cấp kết quả khảo sát ý kiến đánh giá của các bên liên quan về chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Sư phạm Sinh học (SPSH) giai đoạn 2014-2018 (K40-K44) ở Trường Đại học Cần Thơ. Các bên liên quan bao gồm sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên, nhân viên và nhà tuyển dụng ( $n = 162$ ). Phiếu điều tra được thiết kế tương ứng với từng đối tượng dựa trên 11 tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của CTĐT trình độ đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Hình thức phỏng vấn nửa cấu trúc được triển khai để thu thập ý kiến phân tích và đánh giá về CTĐT. Kết quả nghiên cứu cho thấy các bên liên quan đã đánh giá mức độ phù hợp/đáp ứng/hài lòng về CTĐT của ngành SPSH ở mức tốt ( $3,41 \leq M < 4,21$ ) về mục tiêu và chuẩn đầu ra; cấu trúc nội dung của chương trình đào tạo; phương pháp tiếp cận trong dạy và học; hoạt động đánh giá kết quả học tập của sinh viên; chất lượng đội ngũ giảng viên và nhân viên; cơ sở vật chất, trang thiết bị và hoạt động hỗ trợ người học. Các bên liên quan đã đề xuất việc đổi mới đào tạo theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực để phù hợp với xu hướng cải cách giáo dục ở trường phổ thông.

## 1. GIỚI THIỆU

Đảm bảo chất lượng giáo dục là nhiệm vụ quan trọng của cơ sở giáo dục đại học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và định hướng tiếp cận với chuẩn chất lượng của các trường đại học trong khu vực và thế giới. Chất lượng của chương trình đào tạo (CTĐT) là một trong những căn cứ để xác định chất lượng giáo dục, uy tín và vị thế của cơ sở giáo dục. Chất lượng của CTĐT trình độ giáo dục đại học được xác định là sự đáp ứng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT, đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Luật giáo dục đại học và của Khung trình độ Quốc gia, phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, của ngành và của xã hội (Bộ Giáo dục và Đào tạo [GD&ĐT], 2016).

Năm 2016, Bộ GD&ĐT ban hành quy định về đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học gồm 11 tiêu chuẩn: (1) Mục tiêu và CĐR của CTĐT; (2) Bản mô tả CTĐT; (3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (CTDH); (4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; (5) Đánh giá kết quả học tập của người học (NH); (6) Chất lượng đội ngũ giảng viên (GV), cán bộ khoa học; (7) Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ; (8) NH và hoạt động hỗ trợ NH; (9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị; (10) Nâng cao chất lượng; (11) Kết quả đầu ra (Bộ GD&ĐT, 2016). Bộ GD&ĐT đã chỉ đạo và hướng dẫn các cơ sở giáo dục đại học triển khai công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo đại học nhằm hướng đến việc tạo dựng uy tín của cơ sở giáo dục đại học đạt chuẩn với NH và xã hội (Bộ GD&ĐT, 2017). Việc tự rà soát và đánh giá về thực trạng của CTĐT là cơ sở để xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng của CTĐT. Công tác tự đánh giá CTĐT còn là điều kiện cần thiết để cơ sở giáo dục đại học đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn về chất lượng CTĐT. Năm 2019, Cục Quản lý chất lượng đã ban hành văn bản hướng dẫn tự đánh giá CTĐT dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành (Cục Quản lý chất lượng, 2019).

Đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng đào tạo được xác định là một trong những hoạt động trọng tâm của Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT). Trong những năm qua, Trường ĐHTC đã và đang triển khai công tác tự đánh giá và kiểm định ngoài nhiều CTĐT khác nhau để được công nhận tiêu chuẩn chất lượng trong và ngoài nước. Khoa Sư phạm, Trường ĐHTC, là đơn vị đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, góp phần quan trọng cho sự nghiệp phát triển giáo dục của vùng đồng bằng sông Cửu

Long và cả nước. Khoa Sư phạm đã và đang triển khai đánh giá nhiều CTĐT và đã từng bước hiện thực hóa các yêu cầu về đảm bảo chất lượng trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học (NCKH).

Trong cơ sở dữ liệu phục vụ công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài của CTĐT, thông tin và minh chứng về ý kiến của các bên liên quan là yêu cầu cần thiết. Mục đích của việc thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về CTĐT không những là thực hiện quy định đảm bảo chất lượng giáo dục đại học mà còn cung cấp thông tin hữu ích, giúp nhà trường có cơ sở để cải tiến và nâng cao chất lượng các CTĐT đáp ứng tốt nhất nhu cầu xã hội. Quyết định số 1640/QĐ-ĐHTC về ban hành quy định lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan của Hiệu trưởng Trường ĐHTC ngày 20/8/2015 đã quy định các bên liên quan bao gồm GV, cán bộ hỗ trợ, NH, sinh viên tốt nghiệp, cựu sinh viên (CSV) và nhà sử dụng lao động. Thông báo số 394/TB- ĐHTC ngày 18 tháng 03 năm 2013 về việc lấy ý kiến các bên liên quan bao gồm sinh viên tốt nghiệp, CSV và nhà tuyển dụng lao động (NTD) về CTĐT. Bộ môn Sư phạm Sinh học (SPSH) đã khảo sát ý kiến của CSV về CTĐT ngành SPSH (Phuong & Phúc, 2016, 2019).

Mục tiêu của nghiên cứu là khảo sát ý kiến nhận xét và đánh giá các bên liên quan về CTĐT ngành SPSH từ khóa 40 đến khóa 44 (giai đoạn 2014-2018) làm căn cứ để rà soát, điều chỉnh và cập nhật CTĐT theo kế hoạch định kỳ của nhà trường, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của NTD và nhu cầu của xã hội. Kết quả khảo sát cung cấp nguồn minh chứng phục vụ công tác tự đánh giá và kiểm định ngoài CTĐT ngành SPSH theo quy định của Bộ GD&ĐT.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng tham gia nghiên cứu

Các bên liên quan được khảo sát gồm NH và CSV của CTĐT ngành SPSH từ khóa 40 đến khóa 44, GV, nhân viên và NTD.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

**Phương pháp nghiên cứu lý thuyết:** Phân tích CTĐT của ngành SPSH từ khóa 40 đến khóa 44. Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng đào tạo các trình độ của giáo dục đại học (Bộ GD&ĐT, 2016) và tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học kèm theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD (Cục Quản lý chất lượng, 2019) được nghiên cứu. Thông tin về kết quả đào tạo sinh viên ngành SPSH do Khoa Sư phạm và Phòng đào tạo của Trường ĐHTC cung cấp.

### **Phương pháp điều tra**

- Hình thức điều tra

Phiếu điều tra: Dựa theo nguyên tắc của phương pháp nghiên cứu xã hội học (Quyết & Thanh, 2011; Bhattacharjee, 2012).

Nội dung của Phiếu điều tra gồm: Phần 1 là thu thập thông tin đối tượng nghiên cứu và Phần 2 là thu thập ý kiến đánh giá của các bên liên quan về các nội dung (1) Mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT (33 chỉ báo/tiêu chí); (2) Cấu trúc và nội dung CTDH (19 chỉ báo); (3) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học (2 chỉ báo); (4) Đánh giá kết quả học tập của NH (6 chỉ báo); (5) Đội ngũ GV và nhân viên (9 chỉ báo); (6) Cơ sở vật chất-trang thiết bị và hoạt động hỗ trợ NH (7 chỉ báo); (7) Đảm bảo chất lượng; (8) Kết quả đầu ra (2 chỉ báo). Ngoài ra, phiếu điều tra còn ghi nhận các ý kiến đóng góp và đề xuất của các bên liên quan về cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo ngành SPSH. Nội dung của câu hỏi trên Phiếu khảo sát phù hợp và đạt được các mốc chuẩn tham chiếu của các tiêu chí trong mỗi tiêu chuẩn theo bộ tiêu chuẩn kiểm định của BG&ĐT ban hành năm 2016 (Bộ GD&ĐT, 2016) và Công văn 1669 (Cục Quản lý chất lượng, 2019). Nội dung khảo sát thay đổi tùy thuộc bên liên quan như NH (nội dung 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7), CSV (nội dung 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8), GV (nội dung 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8), nhân viên (nội dung 6, phỏng vấn) và NTD (nội dung 1, 2, 8).

Câu hỏi được thiết kế dưới dạng câu hỏi liệt kê để thu thập thông tin và câu hỏi bậc thang/mức độ để đo lường mức độ đồng ý/hài lòng/ đáp ứng. Để đưa ra những nhận định tương đối chính xác về mức độ, khoảng thang đo của thang Likert 5 điểm được xác định bằng  $(5 - 1)/5 = 0,8$  (Narli, 2010; Yavuz et al., 2013). Khoảng giá trị và ý nghĩa của thang đo được xác định như sau:  $1,00 \leq M < 1,81$  (Rất không đồng ý; mức đánh giá kém),  $1,81 \leq M < 2,61$  (Không đồng ý, mức đánh giá trung bình),  $2,61 \leq M < 3,41$  (Đồng ý một phần, mức đánh giá khá),  $3,41 \leq M < 4,21$  (Đồng ý, mức đánh giá tốt),  $4,21 \leq M \leq 5,00$  (Rất đồng ý, mức đánh giá rất tốt).

Khảo sát thu thập dữ liệu: Phiếu điều tra trực tuyến được gửi thông qua danh sách sinh viên của Bộ môn SPSH quản lý và qua danh sách NTD được cung cấp từ các Sở GD&ĐT.

Phòng vấn: Hình thức phỏng vấn nửa cấu trúc được triển khai để thu thập ý kiến phân tích và đánh giá về CTĐT.

- Thời gian khảo sát: 2019, 2020, 2021

- Phân tích kết quả: Các số liệu được xử lý trung bình và mô tả bằng phần mềm Minitab v20 (Minitab, LLC, Mỹ).

## **3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**

### **3.1. Thông tin đối tượng tham gia nghiên cứu**

- GV:  $n = 16$  bao gồm GV có thâm niên 5-10 năm (1); GV có thâm niên từ 11-15 năm (5) và GV có thâm niên >16 năm (10). Trong đó, GV tham gia công tác quản lý là 3.

- NH:  $n = 61$  trong đó có 30 sinh viên (SV) năm II, III (Khóa 43 và khóa 44) và 31 SV năm IV (khóa 42).

- CSV:  $n = 47$ , là sinh viên đã tốt nghiệp ngành SPSH hơn 1 năm của khóa 40 và khóa 41. Tình hình việc làm sau khi tốt nghiệp là dạy kèm (10), dạy ở trường Trung học cơ sở (6), dạy ở Trường trung học phổ thông (THPT) (7), làm việc ngoài ngành giáo dục (19), làm việc ở cơ sở giáo dục (2) và không ghi việc làm (3).

- NTD:  $n = 36$  bao gồm Giám đốc Sở GD&ĐT (4), Ban Giám hiệu trường THPT (8), Chuyên viên Sở GD&ĐT (3) và Tổ trưởng/Tổ phó Tổ chuyên môn (18), Tổ trưởng/Tổ phó chuyên môn của Công ty kinh doanh ngoài ngành giáo dục (3).

- Nhân viên:  $n = 2$ .

### **3.2. Đánh giá về mục tiêu và CĐR của CTĐT**

NTD, GV và NH cho ý kiến rất đồng ý về chỉ báo “Mục tiêu đào tạo của ngành SPSH được xác định rõ ràng và phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học theo Luật giáo dục đại học” và “Mục tiêu đào tạo của ngành SPSH phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của Trường ĐHC” ( $4,21 \leq M \leq 5,00$ ). Tuy nhiên, CSV cho ý kiến đồng ý ( $3,43 \pm 0,12$ ) với chỉ báo “Mục tiêu đào tạo của ngành SPSH xác định rõ ràng và phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học theo Luật giáo dục đại học” và ý kiến đồng ý một phần với chỉ báo còn lại ( $3,39 \pm 0,11$ ) (Hình 1).

CSV, GV và NH đã đánh giá chỉ báo “CĐR của ngành SPSH được xác định rõ ràng; bao quát kiến thức, kỹ năng, tinh thần trách nhiệm và mức độ tự chủ mà NH phải đạt được sau khi tốt nghiệp” lần lượt là  $3,08 \pm 0,11$  (đồng ý một phần),  $4,6 \pm 0,13$  (rất đồng ý) và  $4,44 \pm 0,13$  (rất đồng ý).

NTD đã phản hồi ý kiến rất đồng ý về chỉ báo “CĐR đã phản ánh được mục tiêu của CTĐT ngành SPSH” và “CĐR phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động”. Kết quả khảo sát lần lượt là  $4,39 \pm 0,09$  và  $4,18 \pm 0,13$ . Thống kê về cách thức tiếp cận mục tiêu đào tạo và CĐR của NTD cho kết quả như sau:

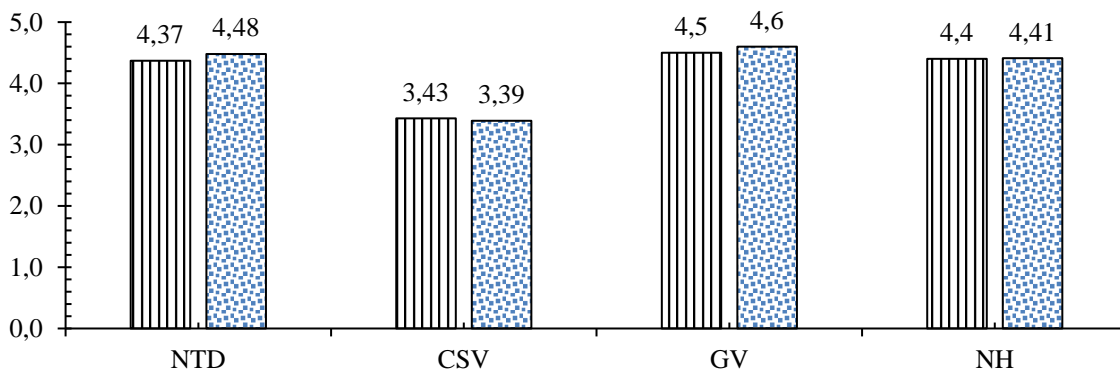
thông qua bạn bè và đồng nghiệp (13,8%), qua tham khảo danh mục tra cứu CTĐT của Trường ĐHTC (55,5%), qua trang thông tin điện tử của Trường ĐHTC (27,7%) và bằng cách thức khác (2,8%).

Thật vậy, mục tiêu đào tạo của ngành SPSH được thường xuyên rà soát và điều chỉnh nhiều lần trong giai đoạn đào tạo theo hệ thống tín chỉ. CĐR của ngành SPSH được xây dựng mới năm 2014. Mục tiêu đào tạo và CĐR của ngành SPSH đã được công bố công khai để các bên liên quan, sinh viên của bộ môn (BM) SPSH tiếp cận thông qua trang thông tin điện tử của Trường/Khoa Sư phạm/ BM. Ngoài ra, mục tiêu đào tạo và CĐR của ngành SPSH còn được Ban chủ nhiệm BM giới thiệu thông qua chương trình đón Tân sinh viên, GV giải thích/phân tích trong quá trình giảng dạy học phân (HP).

Việc lựa chọn CĐR phù hợp để đảm bảo yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của NH sau khi tốt nghiệp có ý nghĩa quan trọng. Khi được hỏi về “Mức độ quan trọng/cần thiết của CĐR” về kiến thức và phẩm chất đạo đức đối với nghề nghiệp, GV và SV đã xác định hầu hết các CĐR của CTĐT giai đoạn 2014-2018 là rất quan trọng/rất cần thiết với nghề nghiệp ( $4,21 \leq M \leq 5,00$ ). Tuy nhiên, một số CĐR về nhóm Kiến thức đại cương (thuộc Khoa học Chính trị, Khoa học Xã hội, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Giáo dục Thể chất) và nhóm Kiến thức liên môn (Toán/Lý/Hóa) được xác định ở mức quan trọng/cần thiết ( $3,41 \leq M < 4,21$ ) (Bảng 1).

▣ Mục tiêu đào tạo của ngành SPSH được xác định rõ ràng và phù hợp với Mục tiêu giáo dục đại học theo Luật giáo dục đại học

▣ Mục tiêu đào tạo của ngành SPSH phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHTC



Hình 1. Ý kiến đánh giá (M) về mục tiêu đào tạo của ngành SPSH

Đối với kỹ năng, hầu hết các CĐR đều được GV và NH xác định là rất quan trọng/rất cần thiết đối với nghề nghiệp ( $4,21 \leq M \leq 5,00$ ). Tuy nhiên, CĐR về “kỹ năng tổ chức, quản lý và lãnh đạo” và “kỹ năng làm việc trong môi trường đa văn hóa” được GV xác định mức độ quan trọng/cần thiết ( $3,41 \leq M < 4,21$ ) (Hình 1).

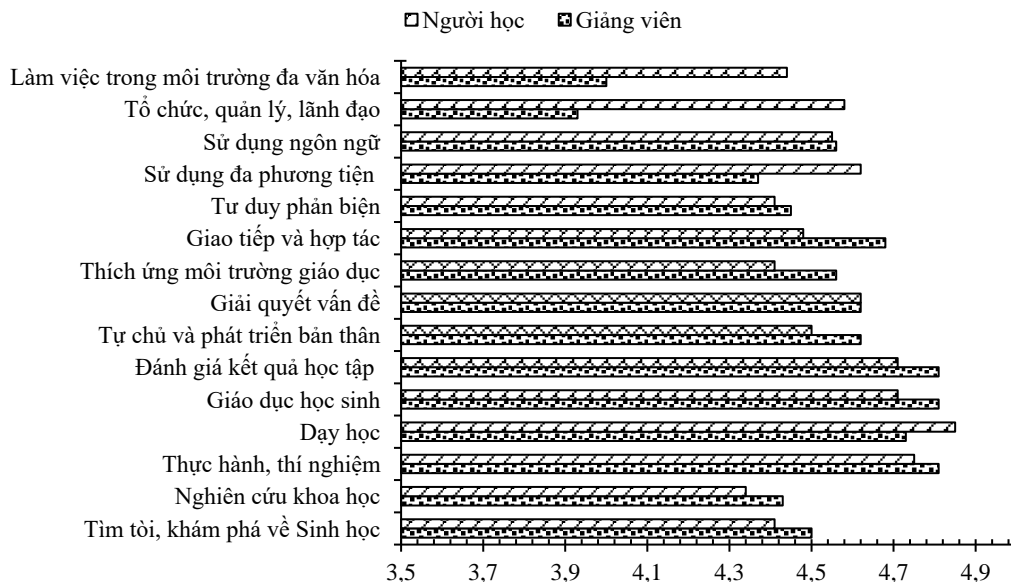
Trong quá trình xây dựng mới CĐR của CTĐT (K40-K44), BM chưa tổ chức được Hội nghị các NTD một cách quy mô và chính quy để lấy ý kiến đóng góp cụ thể về CĐR mà chỉ tổ chức Họp lấy ý kiến của Tổ trưởng chuyên môn và giáo viên giảng dạy Sinh học ở trường THPT. Ý kiến được đề xuất là “Bồi dưỡng thêm cho SV kỹ năng lên lớp, vận dụng kỹ năng phương pháp giảng dạy, kỹ năng giáo dục ngoài giờ lên lớp, kỹ năng giải bài tập Sinh học, kỹ năng pha chế hóa chất và kỹ năng vẽ hình; CĐR

của ngành SPSH cần bám sát CĐR của trường THPT”. Nghiên cứu này không khảo sát ý kiến, đánh giá của NTD về mức độ quan trọng/cần thiết của CĐR.

CĐR của CTĐT (K40-K44) được xây dựng mới vào năm 2014 nên còn điểm hạn chế là chưa áp dụng Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ban hành ngày 16/4/2015 quy định CĐR là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp mà NH đạt được sau khi hoàn thành CTĐT (Bộ GD&ĐT, 2015). Vì vậy, CĐR được viết dài và theo kỳ vọng về năng lực hoàn hảo của NH sau khi tốt nghiệp. CĐR của CTĐT hiện hành (K45-K47) đã được điều chỉnh phù hợp theo quy định của Bộ GD&ĐT, đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục và phù hợp với nhu cầu xã hội.

**Bảng 1. Mức độ quan trọng/cần thiết (M±SE) của CDR về kiến thức và phẩm chất đạo đức**

CDR	GV	NH
<b>Kiến thức</b>		
Khoa học Chính trị, Khoa học Xã hội, Giáo dục Quốc phòng-An ninh, Giáo dục Thể chất	3,5±0,18	3,96±0,15
Toán/Vật lý/Hóa học	4,18±0,10	4,17±0,14
Tin học/Ngoại ngữ	4,62±0,12	4,48±0,14
Sinh học đại cương/Sinh hóa	4,87±0,08	4,55±0,14
Vi sinh/Vi sinh học ứng dụng	4,75±0,11	4,46±0,13
Thực vật/Sinh lý thực vật	4,81±0,10	4,62±0,13
Động vật/Sinh lý động vật	4,81±0,10	4,58±0,13
Sinh thái/Di truyền-Chọn giống/Tiến hóa	4,81±0,10	4,58±0,13
Trải nghiệm/thực địa về Sinh học	4,81±0,10	4,48±0,13
Tâm lý học/Giáo dục học	4,43±0,18	4,31±0,14
Lý luận và phương pháp giảng dạy/Tập giảng/Đánh giá kết quả học tập/Thí nghiệm Sinh học phổ thông,...	4,81±0,10	4,33±0,15
<b>Phẩm chất đạo đức</b>		
Cá nhân	5,0±0,10	4,75±0,07
Nghề nghiệp	5,0±0,10	4,75±0,09



**Hình 2. Ý kiến đánh giá (M) về mức độ quan trọng/cần thiết của CDR ra về kỹ năng**

**3.3. Đánh giá về bản mô tả CTĐT, cấu trúc và nội dung của CTDH**

Theo yêu cầu mỗi CTĐT đều phải có bản mô tả CTĐT. CTĐT (K40-K44) chưa có Bản mô tả CTĐT nhưng đã đầy đủ các thành phần như mục tiêu đào tạo, CDR, đề cương học phần, mô tả học phần, CTDH và ma trận. Các thành phần này được xây dựng riêng lẻ, có điều chỉnh và cập nhật nhưng chưa hợp nhất chung thành Bản mô tả CTĐT.

Khi được hỏi về chỉ báo “Đề cương của các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật”, CSV, GV và NH cho ý kiến đánh giá ở mức độ tốt/rất tốt. Kết quả khảo sát lần lượt là 3,67±0,12; 4,5±0,12 và 4,35±0,12. Thật vậy, đề cương HP trong CTĐT ngành SPSH có đầy đủ thành phần cấu trúc theo văn bản hướng dẫn của nhà trường và được định kỳ rà soát, cập nhật, điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu đổi mới của xã hội, phù hợp với tình hình thực tiễn về nguồn nhân lực và cơ sở vật chất của BM. Điểm hạn chế là một số CDR trong đề cương HP chưa đảm

bảo yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, thái độ/mức tự chủ và trách nhiệm và chưa đảm bảo yêu cầu đo lường được (đặc biệt là CĐR về kỹ năng và thái độ).

Trong giai đoạn 2010-2014, CTDH của ngành SPSH được xây dựng gồm 120 tín chỉ. Năm 2014-2018, CTDH được điều chỉnh và cải tiến thành 140 tín chỉ. Khi được hỏi ý kiến về cấu trúc và nội dung của CTDH, các bên liên quan gồm CSV, GV và NH đã đánh giá ở mức độ tốt/rất tốt (Bảng 2).

GV và NH đánh giá về nội dung và cấu trúc của CTDH ở mức độ rất tốt ( $4,21 \leq M \leq 5$ ), ngoại trừ chỉ báo về “Cân đối giữa thời gian học trên lớp và thời

gian tự học/tự nghiên cứu” ở mức độ tốt ( $4,18 \pm 0,10$  và  $4,14 \pm 0,13$ ). Qua phỏng vấn, GV cho biết thông qua hướng dẫn tự học hoặc giao bài tập về nhà, GV có thể giám sát và kiểm tra hoạt động tự học/tự học tự nghiên cứu của NH. Tuy nhiên, hoạt động này chỉ mang tính chất tương đối. Sự cân đối của thời gian trên lớp và thời gian tự học còn phụ thuộc vào tính chủ động và năng lực học tập của NH. Qua phỏng vấn, NH cho biết bị áp lực nhiều khi nhà trường triển khai hình thức học trực tuyến thay cho hình thức học trực tiếp (vì lý do chống dịch bệnh Covid-19). NH phải thích ứng với phương pháp học mới cùng với khối lượng bài tập nhiều nên đôi khi bị mất cân đối giữa thời gian học trực tuyến và thời gian tự học.

**Bảng 2. Ý kiến đánh giá (M±SE) về nội dung và cấu trúc của CTDH**

Nội dung	CSV	GV	NH
CTĐT có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp	3,84±0,10	4,37±0,15	4,31±0,13
Cân đối giữa các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành	3,50±0,09	4,5±0,12	4,54±0,12
Cân đối giữa kiến thức lý thuyết và thực hành	3,34±0,11	4,5±0,12	4,23±0,14
Cân đối giữa kiến thức chuyên ngành và nghiệp vụ sư phạm	3,30±0,13	4,25±0,14	4,23±0,14
Cân đối giữa kiến thức bắt buộc và lựa chọn	3,55±0,10	4,25±0,11	4,31±0,12
Cân đối giữa thời gian học trên lớp và thời gian tự học/tự nghiên cứu	3,65±0,24	4,18±0,10	4,14±0,13
CTĐT có khối lượng vừa phải so với thời lượng quy định (140 tín chỉ)	3,57±0,10	4,3±0,15	4,42±0,15
Các HP đóng góp rõ ràng cho việc đạt được CĐR	3,80±0,10	4,56±0,12	4,51±0,10

CSV đánh giá ở mức độ tốt ( $3,41 \leq M < 4,21$ ) về cấu trúc và nội dung của CTDH, ngoại trừ chỉ báo về sự “Cân đối giữa kiến thức lý thuyết và thực hành” và “Cân đối giữa kiến thức chuyên ngành và nghiệp vụ sư phạm”. Một số CSV cho đề nghị “Tăng thời gian kiến tập và thực tập Sư phạm để thực tập sinh có nhiều thời gian làm quen và tích lũy kinh nghiệm trong công tác giảng dạy và chủ nhiệm”; “Tăng cường kiến thức thực tế, thực hành; kỹ năng giải bài tập Sinh học cho SV”.

NTD cũng nhận xét rằng “Khối kiến thức chuyên ngành ít tín chỉ, trong khi đó, kiến thức về chính trị, giáo dục quốc phòng thì nhiều. Sau này, khi nhận công tác, Trường chính trị địa phương đều có kế hoạch bồi dưỡng cho công chức, viên chức. BM nên tham khảo thêm các module bồi dưỡng thường xuyên của Bộ GD&ĐT quy định đối với GV THPT, các tài liệu tập huấn của Bộ GD&ĐT về đổi mới kiểm tra đánh giá, đổi mới phương pháp dạy học để thiết kế CTĐT thực tiễn với giáo dục phổ thông”.

**Bảng 3: Ý kiến đánh giá (M±SE) về mức độ đóng góp của các HP đối với nghề nghiệp**

Nhóm học phần	CSV	NH năm IV
Khoa học Chính trị, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Giáo dục Thể chất	3,31±0,13	3,87±0,09
Toán/Vật lý/Hóa học	3,54±0,12	3,97±0,09
Tin học/Ngoại ngữ	3,86±0,12	4,26±0,16
Vi sinh/Vi sinh học ứng dụng	3,95±0,11	4,39±0,09
Thực vật/Sinh lý thực vật	4,17±0,11	4,48±0,10
Động vật/Sinh lý động vật	4,13±0,11	4,55±0,10
Di truyền chọn giống/Sinh hóa	3,69±0,13	4,48±0,10
Trải nghiệm/thực địa sinh học	3,76±0,12	4,55±0,10
Tâm lý/Giáo dục	3,86±0,13	4,26±0,11
Nghiệp vụ sư phạm	4,06±0,12	4,42±0,11
Tự chọn	-	3,94±0,12

(-): không khảo sát

Khi được hỏi “Nhóm kiến thức nào đóng góp tốt cho việc giảng dạy ở trường phổ thông?”, CSV cho rằng nhóm kiến thức về Khoa học Chính trị, Giáo dục Quốc phòng - An ninh và Giáo dục Thể chất đóng góp ở mức khá ( $2,61 \leq M < 3,41$ ). Các nhóm kiến thức còn lại được cả CSV và NH năm IV cho rằng có đóng góp cho nghề nghiệp ở mức tốt/rất tốt (Bảng 3).

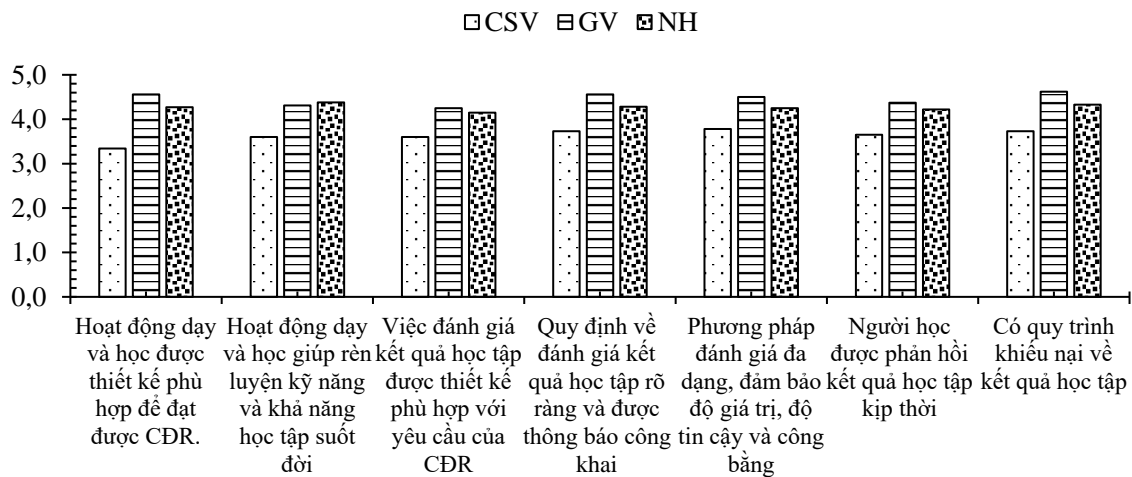
CSV cho rằng hoạt động trải nghiệm ở trường THPT hiện nay được xây dựng và triển khai với hình thức đa dạng (như mô hình trải nghiệm thiên nhiên, trải nghiệm nghệ thuật, trải nghiệm văn hóa-lịch sử, hoặc trải nghiệm khoa học công nghệ...). Vì vậy, kiến thức và kỹ năng về quy trình tổ chức hoạt động trải nghiệm rất quan trọng trong công tác chuyên môn và công tác chủ nhiệm. CSV cho biết còn lúng túng trong công tác tổ chức và quản lý học sinh về triển khai hoạt động trải nghiệm. Học phần Kỹ năng mềm được xếp trong nhóm tự chọn nên một số CSV đã bỏ lỡ việc tích lũy kiến thức và kỹ năng bổ ích cho nghề nghiệp. CSV giảng dạy môn Sinh học song ngữ đã xác định mức đóng góp quan trọng của HP Anh văn chuyên môn Sinh học trong công tác chuyên môn. Các học phần Tâm lý, Giáo dục chưa đi sâu vào xử lý các tình huống sư phạm. CSV đề xuất việc thiết kế riêng HP mới là HP “Kỹ năng xử

lý tình huống sư phạm” và HP “Soạn giáo án” để rèn luyện nghiệp vụ cho NH.

Thật vậy, CTDH của ngành SPSH được thiết kế sao cho mỗi HP đóng góp rõ ràng để đạt được CĐR về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ/trách nhiệm. Điều này được thể hiện qua ma trận về mối quan hệ giữa các HP với CĐR. CTDH (K40-K44) đã giảng dạy HP Thực tập giáo trình Sinh học, Kỹ năng mềm và Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông cho NH. Để đáp ứng xu hướng đổi mới giáo dục phổ thông, CTDT ngành SPSH (K45-K47) đã bổ sung thêm các HP như Giáo dục trải nghiệm, Giáo dục hòa nhập và Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.

**3.4. Đánh giá về phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

GV và NH đã đánh giá ở mức rất tốt đối với chỉ báo “Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR” và “Các hoạt động dạy và học giúp rèn luyện cho NH kỹ năng học tập suốt đời” (Mean > 4,21). CSV xác nhận ở mức độ khá với chỉ báo về phương pháp giảng dạy giúp đạt được CĐR ( $3,34 \pm 0,11$ ) và ở mức tốt về phương pháp giảng dạy giúp rèn luyện kỹ năng học tập suốt đời ( $3,60 \pm 0,12$ ) (Hình 3).



**Hình 3. Ý kiến đánh giá (M) về hoạt động dạy - học và đánh giá kết quả học tập**

Qua khảo sát, NH mong muốn GV “áp dụng phương pháp dạy học mới nhiều hơn”. CSV đề nghị các HP nghiệp vụ SP “cần đi sâu các phương pháp theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực”, HP “Tâm lý học/Giáo dục học nên đi sâu vào xử lý các tình huống sư phạm, còn lý thuyết nhiều”. CSV cũng cho rằng việc áp dụng và triển khai phương pháp dạy học tích cực đã học ở bậc đại học đôi khi

gặp trở ngại ở trường phổ thông do lớp quá đông, thời lượng không đáp ứng, cơ sở vật chất thiếu/lạc hậu, chưa có sự đồng thuận,... Ngoài giảng dạy chuyên môn, một số CSV được phân công giảng dạy thêm môn Công nghệ 10 (do trường phổ thông thiếu giáo viên chuyên môn). CSV cho rằng nhờ kỹ năng tự học được hình thành và phát triển trong quá trình học tập mà CSV đã khắc phục khó khăn về chuyên

môn chưa được đào tạo này để tiếp tục phát triển nghề nghiệp.

Thật vậy, trong quá trình đào tạo, các hoạt động dạy và học được GV thiết kế đa dạng và phù hợp để đạt được CDR. Nhiều phương pháp và chiến lược dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho NH đã được GV áp dụng như dạy học hợp tác, lớp học đảo ngược, dạy học dự án, dạy học trải nghiệm... Nhà trường đã đầu tư cơ sở vật chất và nguồn học liệu phong phú để tạo điều kiện tối ưu cho GV tổ chức hoạt động dạy và học tích cực. Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực chưa được thực hiện đồng bộ giữa các GV trong BM.

**3.5. Đánh giá về công tác đánh giá kết quả học tập của NH**

Công tác đánh giá kết quả học tập đã được GV và NH đánh giá ở mức rất tốt ( $4,21 \leq M \leq 5,00$ ), ngoại trừ chỉ báo “Công tác đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với yêu cầu của CDR”. CSV cho rằng công tác đánh giá kết quả học tập đã thực hiện tốt ( $3,41 \leq M < 4,21$ ) (Hình 3). Đạt được kết quả trên là do nhà trường đã ban hành công khai và kịp thời các văn bản quy định về đánh giá kết quả của NH (gồm quy trình tổ chức thi, chấm thi, phản hồi, xử lý và quản lý kết quả học tập và rèn luyện). Khoa Sư phạm và BM SPSH cũng ban hành công khai quy trình và tiêu chí đánh giá kết quả học tập đặc thù của ngành Sư phạm. Qua phỏng vấn, CSV cảm thấy hài lòng về công tác đánh giá kết quả

học tập vì đã được đánh giá quá trình, đánh giá tổng kết và đã được đánh giá qua sản phẩm học tập (như kết quả thực hành/thí nghiệm, bài soạn giáo án, báo cáo/thuyết trình, tập giảng, trải nghiệm thực tế). Qua phỏng vấn, GV nhận xét rằng một số CDR về kỹ năng hoặc thái độ/mức độ tự chủ và trách nhiệm chưa được đánh giá cụ thể bằng công cụ đo lường. Một số CDR trong đề cương HP chưa thể hiện yêu cầu tối thiểu về năng lực của NH và đảm bảo tính đo lường.

**3.6. Đánh giá về đội ngũ GV và NV**

Chất lượng của đội ngũ GV (gồm năng lực chuyên môn, năng lực nghiệp vụ sư phạm và phẩm chất đạo đức) được NH đánh giá và GV tự đánh giá ở mức độ rất tốt (Mean > 4,21). Tuy nhiên, GV cho rằng chỉ báo về “Đáp ứng yêu cầu số lượng và cơ cấu” của GV của ngành SPSH đạt ở mức độ tốt.

CSV cho ý kiến đánh giá về chất lượng của đội ngũ GV ở mức độ tốt (3,78), ngoại trừ chỉ báo “Có tham gia NCKH và tạo điều kiện cho SV tham gia NCKH” chỉ đạt ở mức độ khá ( $3,0 \pm 0,13$ ). Thật vậy, GV của ngành SPSH tham gia và chủ trì nhiều đề tài NCKH các cấp và có nhiều công bố khoa học trong nước và quốc tế. GV cũng hướng dẫn NH tham gia NCKH hoặc thực hiện luận văn tốt nghiệp. Tuy nhiên, hoạt động NCKH chưa thực hiện đồng bộ giữa các GV và giữa các nhóm chuyên ngành. Sinh viên ngành SPSH cũng tham gia và đạt nhiều thành tích trong NCKH nhưng mức độ tham gia chưa đồng bộ giữa các khóa học.

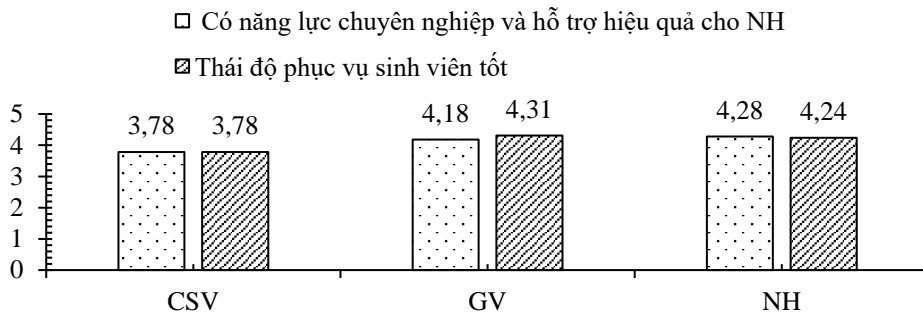
**Bảng 4. Ý kiến đánh giá (trung bình±SE) của các bên liên quan về đội ngũ GV**

Nội dung	CSV	GV	NH
Có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm	3,78±0,13	4,75±0,11	4,63±0,10
Có phương pháp giảng dạy hiệu quả	3,78±0,12	4,37±0,12	4,39±0,13
Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực	3,78±0,13	4,31±0,15	4,42±0,12
Có ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy	3,78±0,12	4,68±0,11	4,39±0,12
Có tham gia NCKH và tạo điều kiện cho SV tham gia NCKH	3,0±0,13	4,56±0,12	4,5±0,09
Đáp ứng yêu cầu số lượng và cơ cấu	3,78±0,12	4,18±0,18	4,38±0,12
Có tinh thần trách nhiệm	3,78±0,11	4,62±0,12	4,62±0,11
Có phẩm chất đạo đức	3,78±0,13	4,75±0,11	4,39±0,11

Chỉ báo về đội ngũ nhân viên (phụ trách, hỗ trợ Ký túc xá, Phòng ban, Thư viện, phòng thí nghiệm...) “có năng lực chuyên môn và hỗ trợ cho SV một cách hiệu quả trong học tập, NCKH và hoạt động cộng đồng” và “có thái độ phục vụ SV tốt” đã được CSV, GV và NH cho ý kiến đồng ý/rất đồng ý

(Hình 4). Qua phỏng vấn, CSV và NH cho biết đội ngũ nhân viên của Khoa Sư phạm và Trường đã hỗ trợ và hướng dẫn tận tình cho NH các vấn đề liên quan đến học tập và hoạt động cộng đồng. NV phòng thí nghiệm tận tâm và nhiệt tình trong việc hỗ trợ cho NH học tập thực hành/thí nghiệm và NCKH.





Hình 4. Ý kiến đánh giá của các bên liên quan về đội ngũ nhân viên (M)

**3.7. Đánh giá về NH và hoạt động hỗ trợ NH**

Tất cả tiêu chí khảo sát về hoạt động hỗ trợ NH đã được CSV, GV và NH đánh giá ở mức tốt/rất tốt (Mean > 3,41). Tuy nhiên, chỉ báo về “Hoạt động tư vấn học tập, sinh hoạt ngoại khóa, hoạt động thi đua và dịch vụ hỗ trợ học tập và việc làm” được CSV đánh giá với xu hướng tiệm cận mức độ khá (Bảng 5).

Kết quả phỏng vấn cho thấy CSV và NH hài lòng về chính sách tuyển sinh, môi trường học tập và cơ sở vật chất để phục vụ học tập, NCKH và sinh hoạt cộng đồng. Một số CSV cho biết đã chưa sử dụng hết nguồn tài nguyên học liệu phong phú, đa dạng tại Trung tâm học liệu của nhà trường trong suốt quá trình học tập. Do tốt nghiệp vào thời điểm tuyển dụng việc làm đúng chuyên ngành đào tạo thấp,

CSV chưa được hỗ trợ tích cực từ hoạt động tư vấn về kỹ năng và tìm kiếm việc làm ngoài ngành giáo dục. NH cho biết trang thiết bị phòng thí nghiệm được bảo trì và mua sắm mới thường xuyên để phục vụ học tập thực hành/thí nghiệm và NCKH. NH cũng hài lòng với chính sách tuyển sinh và môi trường học tập tại Trường ĐHTC. Qua phỏng vấn, GV cho biết hài lòng tương đối về cơ sở vật chất và nguồn học liệu phục vụ giảng dạy và NCKH chuyên sâu. GV cho biết chất lượng của NH ngành SPSH thay đổi tùy khóa học, phụ thuộc năng lực cá nhân và khả năng phấn đấu, tự vượt khó để vươn lên. Sĩ số NH trong lớp ít cũng ảnh hưởng đến chất lượng NH do khó tổ chức hoạt động mang tính cộng đồng nên hạn chế sự hình thành kỹ năng giao tiếp và hợp tác.

Bảng 5. Ý kiến đánh giá (trung bình±SE) về hoạt động hỗ trợ NH (M±SE)

Nội dung	CSV	GV	NH
Chính sách, tiêu chí và hình thức tuyển sinh rõ ràng, công bố công khai và được cập nhật	3,89±0,11	4,62±0,12	4,32±0,10
Có hệ thống quản lý thông tin về kết quả học tập, rèn luyện của SV	4,06±0,10	4,62±0,12	4,3±0,11
Có các hoạt động tư vấn học tập, sinh hoạt ngoại khóa, hoạt động thi đua và dịch vụ hỗ trợ học tập và việc làm	3,59±0,11	4,06±0,14	4,26±0,13
Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tốt	4,10±0,10	4,5±0,12	4,42±0,10
Hệ thống phòng học và giảng đường được trang bị phù hợp để hỗ trợ học tập và sinh hoạt tập thể	4,02±0,10	4,56±0,15	4,3±0,13
Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và hiện đại	3,97±0,10	4,68±0,11	4,33±0,13
Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật	4,12±0,11	4,68±0,11	4,39±0,13
Hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và hiện đại	4±0,11	4,62±0,15	4,36±0,13
Môi trường học tập đảm bảo an toàn sức khỏe và đáp ứng nhu cầu đặc thù của người khuyết tật	4,08±0,10	4,31±0,11	4,36±0,10

Hàng năm, nhà trường ban hành chính sách tuyển sinh và văn bản hỗ trợ NH, đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng môi trường học tập/làm việc tối ưu để đảm bảo hoạt động dạy học, NCKH và sinh hoạt cộng đồng. Hiện tại, nhà trường đã triển khai chính sách và hoạt động để đảm bảo môi trường học tập và an toàn sức khỏe đến cho cả người khuyết tật.

**3.8. Đánh giá về công tác đảm bảo chất lượng**

Kết quả phản hồi của CSV về việc “được lấy ý kiến phản hồi về quá trình học tập và đánh giá kết quả học tập”, “cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ” và được “khảo sát việc làm” sau 1 năm tốt nghiệp ở mức độ tốt (3,41 ≤ M < 4,21). GV và NH đánh giá các chỉ báo trên ở mức độ tốt/rất tốt (Bảng 6).

**Bảng 6. Ý kiến đánh giá (trung bình±SE) về lấy ý kiến phản hồi của NH và khảo sát việc làm**

Nội dung	CSV	NH
NH được lấy ý kiến phản hồi về quá trình học tập và đánh giá kết quả học tập	3,76±0,11	4,23±0,12
NH được lấy ý kiến phản hồi về cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ	3,74±0,11	4,20±0,12
Có khảo sát việc làm của CSV sau 1 năm tốt nghiệp	3,70±0,12	-

(-): không khảo sát

Trường ĐHTC có quy trình lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT. Đối với NH, định kỳ mỗi học kỳ/năm học, nhà trường triển khai hoạt động lấy ý kiến phản hồi của NH bằng nhiều hình thức như Phiếu khảo sát trực tuyến sau mỗi HP, họp mặt của Ban giám hiệu, Ban chủ nhiệm Khoa và Ban chủ nhiệm BM với đại diện SV các lớp/khóa. Khi xét tốt nghiệp, Trung tâm Quản lý chất lượng cũng kết hợp khảo sát SV về việc đánh giá mức hài lòng/đáp ứng về CTĐT.

Ý kiến phản hồi của NH được GV xem xét để điều chỉnh và cải tiến quá trình giảng dạy HP, được BM/Khoa/Nhà trường sử dụng để rà soát, điều chỉnh và cải tiến CTĐT. Tuy nhiên, tỉ lệ phản hồi của NH thấp. Nguyên nhân là do một bộ phận NH chưa ý thức được ý nghĩa của hoạt động lấy ý kiến của các bên liên quan.

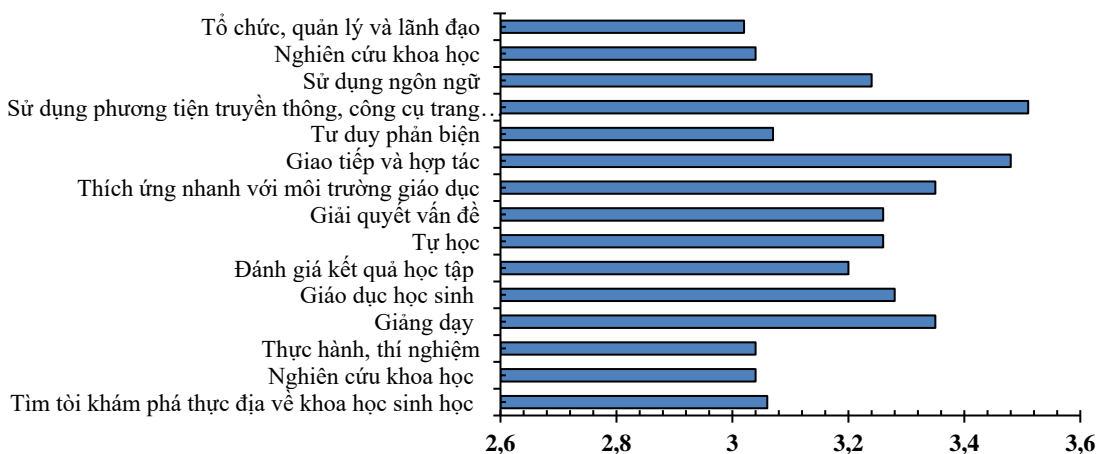
Từ năm 2016, CSV sau 1 năm tốt nghiệp ngành SPSH được nhà trường khảo sát tình hình việc làm.

GV kiêm nhiệm CVHT được phân công nhiệm vụ hỗ trợ nhà trường thu thập và phân tích dữ liệu về tình hình việc làm.

Khảo sát này chưa lấy ý kiến đánh giá của NTD về cơ chế phản hồi của các bên liên quan, về vai trò/vị trí của NTD trong quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT. Tuy nhiên, ý kiến phản hồi của các BLQ đã được cân nhắc sử dụng trong tiến trình rà soát và điều chỉnh CTĐT ngành SPSH hiện hành.

**3.9. Đánh giá về mức độ đáp ứng của CTĐT đối với nghề nghiệp**

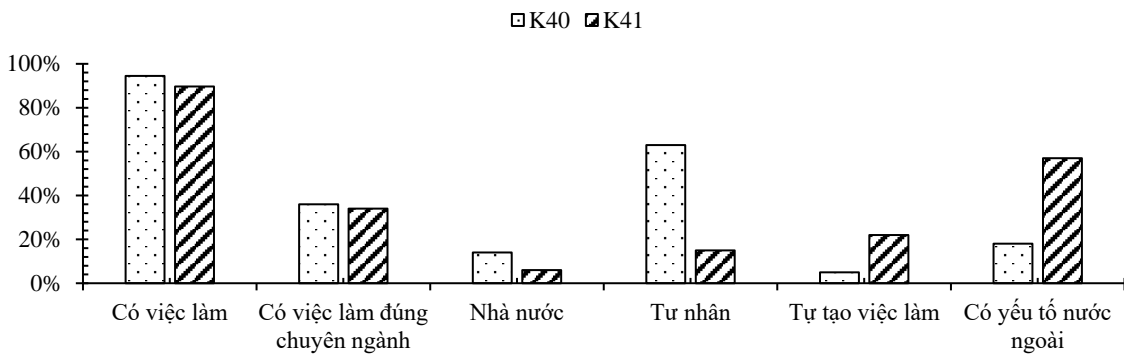
CSV khóa 40 và khóa 41 đánh giá mức độ đáp ứng của CTĐT với nghề nghiệp về kiến thức ở mức khá (3,39±0,17); về phẩm chất đạo đức cá nhân và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp ở mức độ tốt (3,93±0,12 và 3,86±0,12). Đối với kỹ năng, CSV tự đánh giá mức độ đáp ứng đối với nghề nghiệp cũng ở mức độ khá (Hình 5).



**Hình 5: Ý kiến đánh giá của CSV (M) về mức độ đáp ứng về kỹ năng đối với nghề nghiệp**

Kết quả phản hồi trên của CSV có thể lý giải dựa trên tình hình việc làm của NH sau khi tốt nghiệp. Khảo sát việc làm của CSV cho thấy tỉ lệ NH có việc làm đúng chuyên ngành chỉ có 36% (khóa 40) và 34% (khóa 41). CSV có việc làm không đúng ngành

đào tạo chiếm tỉ lệ cao và tập trung ở khu vực tư nhân, có yếu tố nước ngoài hoặc tự tạo việc (Hình 6). Tuy vậy, các CSV đã đánh giá chung về “mức độ hài lòng với nghề nghiệp hiện tại” ở mức tốt (M = 3,42±0,13).

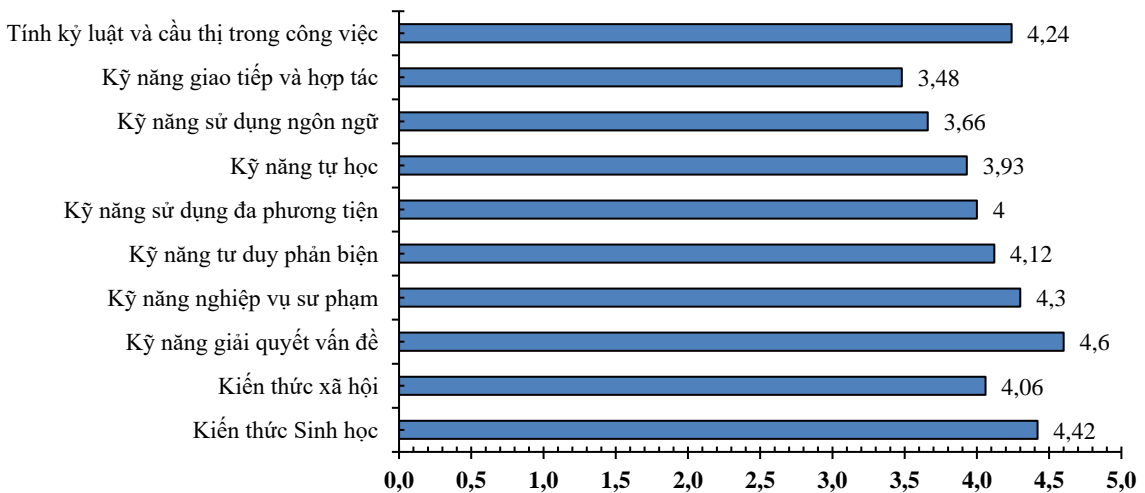


**Hình 6. Kết quả khảo sát việc làm của NH (M) sau 1 năm tốt nghiệp**

Qua phỏng vấn, CSV giảng dạy Trung học cơ sở hay THPT cho biết CTĐT đã đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp. Một số CSV cho rằng đôi lúc chưa tự tin về kiến thức Sinh học đã tích lũy để giảng dạy. Một số CSV làm việc trong khu vực kinh doanh liên quan đến lĩnh vực Sinh học hay khoa học sức khỏe cho biết đã tự tin tư vấn khách hàng thông qua vận dụng kiến thức Sinh học và kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề, tự chủ và quản lý thời gian, tổ chức/quản lý nhóm. Kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cũng hỗ trợ trong tư vấn khách hàng hay báo cáo lãnh đạo một cách rõ ràng và súc tích. CSV học

tiếp sau đại học cho biết CTĐT bậc đại học đã cung cấp nền tảng kiến thức, kỹ năng cơ bản vững vàng để học tiếp sau đại học.

Các NTD đã đánh giá mức độ đáp ứng của NH tốt nghiệp ở mức rất tốt ( $4,21 \leq M \leq 5,00$ ) về kiến thức Sinh học, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, tính kỷ luật và tinh thần cầu thị trong công việc. Kiến thức xã hội và kỹ năng còn lại được đánh giá ở mức độ tốt (Hình 7). Tuy nhiên, kỹ năng giao tiếp và hợp tác, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ và kỹ năng tự học được đánh giá tiệm cận mức độ khá.



**Hình 7. Ý kiến đánh giá của NTD (M) đối với CSV**

Qua phỏng vấn, NTD ngoài chuyên ngành giáo dục cho biết, NH tốt nghiệp có khả năng vận dụng tốt kiến thức Sinh học trong nghề nghiệp liên quan dinh dưỡng và sức khỏe. Tuy nhiên, một số kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề, ... còn hạn chế nên phải được tập huấn cho phù hợp.

Chất lượng của CTĐT ngành SPSH được đánh giá đạt mức độ tốt ( $4,06 \pm 0,24$ ) bởi CSV và đạt mức

độ rất tốt bởi GV ( $4,44 \pm 0,12$ ). Tỷ lệ tốt nghiệp của NH K40 (83,65%) và K41 (88,89%) thể hiện một phần chất lượng của CTĐT ngành SPSH.

#### 4. KẾT LUẬN

Các bên liên quan hài lòng ở mức tốt với CTĐT của ngành SPSH với các chỉ báo về mục tiêu, CDR; cấu trúc nội dung của CTĐT; phương pháp tiếp cận

trong dạy và học; hoạt động đánh giá kết quả học tập của SV; chất lượng đội ngũ GV và nhân viên; cơ sở vật chất và trang thiết bị và hoạt động hỗ trợ SV và kết quả đầu ra. Các đề xuất nhằm điều chỉnh CTĐT

theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của NH để thích ứng với chương trình giáo dục phổ thông 2018 cũng được các bên liên quan đề nghị cân nhắc thực hiện.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bhattacharjee, A. (2012). *Social science research: Principles, methods, and practices*. University of South Florida. Textbooks Collection. Book 3. [http://scholarcommons.usf.edu/oa\\_textbooks/3](http://scholarcommons.usf.edu/oa_textbooks/3).
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2015). *Thông tư ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ* (07/2015/TT-BGDĐT). <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=179801>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2016). *Công văn hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo* (Số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH). <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/khao-thi-va-kiem-dinh-chat-luong-giao-duc/Pages/Default.aspx?ItemID=4166>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2016). *Thông tư quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng đào tạo các trình độ của các trình độ giáo dục đại học* (Số 4/2016/TT). <https://moet.gov.vn/van-ban/vanban/Pages/chitiet-van-ban.aspx?ItemID=1228>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2017). *Công văn về việc đẩy mạnh kiểm định chất lượng giáo dục các trường sư phạm, chương trình đào tạo giáo viên* (Số 5542/BGDĐT-QLCL). <http://cea-beta.vnu.edu.vn/vi/content/cong-van-5542bgddt-qlcl-ngay-23112017-cua-bo-giao-duc-va-dao-tao-ve-viec-day-manh-kiem-dinh>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2017). *Thông tư quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học* (Số 12/2017/TT-BGDĐT). <https://moet.gov.vn/van-ban/vanban/Pages/chitiet-van-ban.aspx?ItemID=1255>
- Cục quản lý chất lượng. (2019). *Công văn thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH* (Số 769/QLCL-KĐCLGD).
- Khoa Sư phạm. (2019). *Báo cáo khảo sát việc làm của sinh viên trong 1 năm sau khi tốt nghiệp* (Số 228/KSP).
- Narli, S. (2010). An alternative evaluation method for Likert type attitude scales: Rough set data analysis. *Scientific Research and Essays*, 5(6), 519-528.
- Phúc, N. T. H., & Phương, V. T. T. (2019). Đánh giá của cựu sinh viên về chương trình đào tạo ngành Sư phạm Sinh học, Trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, số chuyên đề Khoa học Giáo dục*, 55, 105-114. <https://doi.org/10.22144/ctu.jsi.2019.106>
- Phương, V. T. T., & Phúc, N. T. H. (2016). Đánh giá của cựu sinh viên về chương trình đào tạo ngành Sư phạm Sinh học. *Kỷ yếu hội nghị khoa học năm 2016 “Đào tạo giáo viên của Khoa Sư phạm – Trường Đại học Cần Thơ, Thành quả, Thách thức và Định hướng”* (trang 15-26).
- Quyết, P. V., & Thanh, N. Q. (2011). *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trường Đại học Cần Thơ. (2013). *Thông báo Lấy ý kiến các bên liên quan về chương trình đào tạo* (Số 394/TB-ĐHCT Cần Thơ).
- Trường Đại học Cần Thơ. (2015). *Quyết định về ban hành quy định lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan của Hiệu trưởng trường Đại học Cần Thơ* (Số 1640/QĐ-ĐHCT).
- Yavuz, G., Günhan, B. C., Ersoy, E., & Narli, S. (2013). *Self-efficacy beliefs of prospective primary mathematics teachers about mathematical literacy*. *Journal of College Teaching & Learning*, 10(4): 279-287